

Cách thức tổ chức hoạt động kinh tế trong gia đình có vợ hoặc chồng di cư ở Đức Lý, Lý Nhân, Hà Nam

Lê Việt Nga

Viện Gia đình và Giới

Tóm tắt: Sử dụng số liệu khảo sát của đề tài cấp Bộ “Xây dựng gia đình ở người di cư lao động tự do giai đoạn 2011-2020” do Viện Gia đình và Giới thực hiện năm 2011, bài viết phân tích cách thức tổ chức hoạt động kinh tế trong các gia đình trước và trong khi người vợ hoặc người chồng di cư, đồng thời nêu bật những khó khăn và cách thức vượt qua khó khăn của các hộ gia đình đó. Thông tin từ 300 hộ gia đình có vợ hoặc chồng di cư tại xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tháng 12 năm 2011 cho thấy sự khác biệt đáng kể trong cách thức tổ chức đời sống kinh tế của từng loại hình gia đình. Trong gia đình có vợ di cư, mặc dù tỷ lệ người chồng thực hiện chính các công việc có gia tăng nhưng sự tham gia của vợ chỉ giảm ở mức vừa phải trong các công việc như cấy, gặt, sơ chế nông sản. Ngược lại, trong gia đình có chồng di cư, người phụ nữ ở nhà gánh vác chính các công việc và hiếm khi nhận được sự chia sẻ trong bất kỳ hạng mục công việc nào từ phía người chồng đã di cư. Để giảm bớt gánh nặng công việc, người vợ hay người chồng ở nhà cũng lựa chọn giải pháp thuê thêm người hay nhờ cậy đến họ hàng, người thân. Tuy vậy, khác với nam giới, người phụ nữ ở nhà thường không lựa chọn phương án cho thuê hoặc bán bớt ruộng vườn.

Từ khóa: Gia đình; Di cư; Phân công lao động; Vai trò giới.

1. Đặt vấn đề

Các nghiên cứu cấp độ cá nhân và hộ gia đình cho thấy di cư là một trong những chiến lược chính của các cá nhân cũng như các hộ gia đình để có được sự an toàn về kinh tế. Di cư giúp giảm nghèo và phát triển tại địa phương (Đặng Nguyễn Anh, 2008). Tiền hay hàng gửi về nhà được nhìn nhận như một phần không thể tách rời trong chiến lược sinh kế của gia đình. Đối với người di cư, tiền gửi về của họ đã là một trong những cách thức họ tham gia vào hoạt động kinh tế, sản xuất của gia đình. Đối với người ở lại, họ tham gia chính vào hoạt động sản xuất nông nghiệp và ngành nghề, hơn thế nữa, họ còn là người gánh vác thêm phần công việc bỏ lại của người ra đi. Vai trò kinh tế và cách thức đóng góp kinh tế của cả nam và nữ trong gia đình có sự thay đổi khi thành viên quan trọng của gia đình rời nhà đi xa.

Nghiên cứu cách thức tổ chức đời sống kinh tế, sản xuất trong gia đình có vợ hoặc chồng di cư là làm rõ cách thức các thành viên trong gia đình (vợ, chồng, con cái, ông bà) phân chia và đảm nhiệm công việc sản xuất kinh tế tại quê nhà khi một thành viên quan trọng trong gia đình (vợ hoặc chồng) vắng mặt, đi làm ăn xa. Sự phân chia công việc gia đình của các thành viên uyển chuyển, linh hoạt, phù hợp với hoàn cảnh từng nhà nhằm đảm bảo các chức năng kinh tế của gia đình được thực hiện trong sự ổn định, gia đình được duy trì, bền vững và phát triển.

Thông qua số liệu khảo sát 300 hộ gia đình có vợ hoặc chồng di cư lao động tại xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam vào tháng 12 năm 2011, bài viết tìm hiểu cách thức tổ chức đời sống kinh tế, sản xuất trong các gia đình trong khoảng thời gian trước và trong khi vợ hoặc chồng di cư, đồng thời nêu bật những khó khăn mà các hộ gia đình có vợ hoặc chồng di cư gặp phải và cách họ vượt qua những khó khăn đó.

Di cư ở Đức Lý thể hiện tính chọn lọc di cư của hộ gia đình. Người ra đi chủ yếu là nam giới, đi với mục đích phát triển kinh tế và điếm đến là những thành phố lớn gần quê và dễ làm ăn. Việc nam giới là người được chọn để di cư cũng là điều thường được nhắc đến trong các nghiên cứu về di cư. Đối với nhiều xã hội trong đó có Việt Nam, người chồng thường được cho là người trụ cột về kinh tế gia đình trong khi nhiệm vụ chính của người vợ là nội trợ và nuôi dạy con cái và quan niệm này có tác động nhất định đến sự phân chia lao động trong gia đình (Lê Bạch Dương và Nguyễn Thanh Liếm, 2011). Việc chọn lọc di cư thể hiện chiến lược kinh tế thông qua việc bố trí lao động hợp lý nhằm tối đa hóa thu nhập và giảm thiểu những rủi ro. Những lợi ích mà di cư đem lại rất dễ dàng nhìn thấy như

góp phần giảm nghèo, giúp trẻ em trong gia đình được tiếp cận với những dịch vụ giáo dục tốt hơn, tăng cường sức khỏe cho các thành viên gia đình và mở rộng quyền sở hữu (Yang, 2004).

2. Cách thức tổ chức công việc sản xuất nông nghiệp và ngành nghề trong gia đình có vợ di cư - so sánh trước và trong khi di cư

Trong 300 trường hợp được hỏi, có 61 gia đình có vợ di cư làm ăn xa. Trước và trong khi di cư những gia đình có vợ đi làm ăn xa đã phân công, sắp xếp công việc sản xuất nông nghiệp. Bảng 1 và 2 cho thấy những thành viên đảm nhiệm chính công việc sản xuất trước và trong khi di cư.

Bảng 1. Người làm chính công việc sản xuất nông nghiệp, ngành nghề trước khi di cư trong các gia đình có vợ di cư (%)

Người làm chính	Cây bừa	Cây	Gặt	Tuốt lúa	Sơ chế nông sản	Phun thuốc sâu	Trồng hoa màu	Chăn nuôi	Ngành nghề
Vợ làm chính	3,4	58,6	27,6	8,6	52,2	36,2	41,2	47,8	4,2
Chồng làm chính	24,1	5,2	6,9	6,9	10,3	53,4	14,7	10,9	45,8
Cả hai vợ chồng bằng nhau	12,1	32,8	62,1	46,6	32,8	5,2	44,1	41,3	50,0
Thuê mướn, nhờ anh em	60,3	3,4	3,4	37,9	0	5,2	1,0	0	0
Bố mẹ	0	0	0	0	1,7	0	0	0	0

Bảng 2. Người làm chính công việc sản xuất nông nghiệp, ngành nghề trong khi di cư trong gia đình có vợ di cư (%)

Người làm chính	Cây bừa	Cây	Gặt	Tuốt lúa	Sơ chế nông sản	Phun thuốc sâu	Trồng hoa màu	Chăn nuôi	Ngành nghề
Vợ làm chính	5,2	32,8	22,4	10,3	20,7	13,8	14,7	15,2	12,5
Chồng làm chính	22,4	25,9	24,1	22,4	63,8	62,1	76,5	82,6	87,5
Cả hai vợ chồng bằng nhau	0	12,1	19,0	12,1	8,6	0	5,9	0	0
Thuê mướn, nhờ anh em	72,4	27,6	32,8	53,4	1,7	22,4	0	0	0
Bố mẹ	0	0	0	0	1,7	0	0	0	0
Con trai/gái lớn	0	1,7	1,7	1,7	3,4	1,7	2,9	2,2	0

Cày bừa

Trước khi di cư, hoạt động cày bừa phục vụ nông nghiệp trong gia đình chủ yếu là thuê mướn người ngoài (60,3%) hoặc nhờ anh chị em làm giúp. So sánh giữa vợ và chồng cho thấy người chồng làm chính việc cày nhiều hơn vợ (24,1% so với 3,4%).

Khi người vợ di cư, tỷ lệ thuê mướn hoặc nhờ anh chị em tăng lên (72,4%), tỷ lệ hai vợ chồng cùng làm giảm đáng kể và tỷ lệ người chồng làm là chính giảm nhẹ. Như vậy, việc di cư của phụ nữ khiến cho công việc cày bừa trong sản xuất nông nghiệp chuyển sang hướng giảm tỷ lệ tham gia của cả vợ và chồng, đồng thời tăng tỷ lệ tham gia của người khác (anh chị em họ hàng hoặc người làm thuê).

Cấy

Thông thường, trong hoạt động sản xuất nông nghiệp ở nông thôn, việc cấy thường do phụ nữ đảm nhiệm. Số liệu cho thấy, trước khi di cư, người vợ là người làm chính công việc cấy (58,6%), việc vợ chồng cùng nhau chia sẻ công việc cấy chiếm 32,8%.

Khi người vợ di cư, phân công công việc cấy đã có sự thay đổi. Tỷ lệ vợ làm chính việc cấy giảm gần một nửa chỉ còn 32,8%. Tỷ lệ hai vợ chồng cùng nhau đảm nhiệm cũng giảm. Đặc biệt tỷ lệ tham gia của nam giới tăng lên đáng kể (25,9%) và tỷ lệ thuê mướn, nhờ anh em làm cũng tăng lên nhiều (27,6%).

Gặt

Trước di cư, công việc gặt thường do cả hai vợ chồng cùng đảm nhiệm (62,1%) hoặc người vợ làm là chính (27,6%). Sự tham gia của người khác rất ít (3,4%).

Nhưng sau khi vợ đi làm ăn xa, tỷ lệ người vợ làm việc gặt là chính đã giảm đi (còn 22,4%) đồng thời gia tăng tỷ lệ tham gia chính của người chồng (24,1%). Tỷ lệ người làm thuê và anh em giúp tăng cao (32,8%)

Tuốt lúa

Hoạt động tuốt lúa phần lớn do các thành viên gia đình làm và phần nhỏ là đi thuê mướn. Trước khi di cư, tỷ lệ vợ chồng cùng nhau đảm nhiệm việc tuốt lúa chiếm đáng kể (46,6%), tỷ lệ chỉ có người vợ hay người chồng đảm nhiệm thấp hơn 10%. Trong trường hợp làm không kịp, họ thuê thêm người làm cùng (37,9%).

Sau khi vợ di cư, tỷ lệ chồng tham gia đảm nhiệm chính hoạt động tuốt

lúa tăng lên (22,4%), đồng thời gia tăng sự tham gia của người làm thuê (53,4%). Các thành viên khác trong gia đình như bố mẹ và con cái đã tham gia nhiều hơn.

Sơ chế nông sản

Trước khi di cư, công việc sơ chế nông sản chủ yếu do vợ chồng cùng làm (32,8%) và người vợ thường là người đảm nhiệm chủ yếu (52,2%). Chỉ trong khoảng 10% số gia đình có công việc này do người chồng đảm nhiệm chính.

Trong khi vợ di cư, tỷ lệ người vợ làm chính giảm đáng kể còn 20,7%, đồng thời tăng tỷ lệ tham gia làm chính của người chồng lên 63,8%. Xuất hiện sự tham gia của nhiều thành viên khác trong gia đình tuy tỷ lệ còn rất nhỏ.

Phun thuốc sâu

Trước di cư, hoạt động phun thuốc sâu do chồng đảm nhiệm là chính chiếm 53,4% và vợ là 36,2%. Sự tham gia của người làm thuê rất ít.

Sau khi vợ di cư, người làm chính công việc này đã có sự khác biệt. Tỷ lệ vợ tham gia giảm xuống còn 13,8%, tỷ lệ chồng tham gia tăng lên đến 62,1%. Xuất hiện sự tham gia của các con và đặc biệt của những người làm thuê ở với tỷ lệ khá cao: 22,4%.

Trồng hoa màu

Trước khi di cư, đối với những gia đình có trồng hoa màu, tỷ lệ vợ làm chính hoạt động này cao hơn hẳn chồng làm chính (41,2% so với 14,7%). Tỷ lệ vợ chồng cùng tham gia chiếm 41,1%.

Sau khi vợ di cư, có sự khác biệt đáng kể đối với sự tham gia của vợ chồng trong việc trồng hoa màu. Người vợ giảm hẳn tỷ lệ tham gia chính (14,7%), thay vào đó là sự gia tăng trong tỷ lệ tham gia chính của người chồng (76,5%). Tỷ lệ hộ gia đình không trồng hoa màu trước và sau di cư có sự gia tăng không đáng kể.

Chăn nuôi và ngành nghề

Hai hoạt động chăn nuôi và ngành nghề có cùng xu hướng thay đổi. Trước khi di cư, người vợ đảm nhiệm chính hoạt động chăn nuôi và người chồng làm chính công việc ngành nghề, nhưng khi vợ di cư, toàn bộ chuyển sang người chồng đảm nhiệm là chính.

Nhìn chung, việc phân công lao động trong hoạt động sản xuất nông nghiệp trong gia đình có vợ di cư đã phản ánh đúng những lo lắng, băn khoăn của người trong cuộc – lo không có người làm. Vì thế, trước di cư,

hầu hết các công việc trong sản xuất nông nghiệp thường do cả vợ và chồng cùng đảm nhiệm (tùy thuộc vào từng việc cụ thể có thể vợ hoặc chồng đảm nhiệm nhiều hơn). Sau khi vợ đi làm ăn xa, phần lớn trong các công việc sản xuất như cày, cấy, gặt, sơ chế nông sản, phun thuốc sâu, trồng hoa màu, chăn nuôi, ngành nghề, sự tham gia của người chồng đã tăng lên. Các gia đình tìm cách lấp chỗ trống của người ra đi bằng cách thuê thêm người làm hoặc nhờ họ hàng. Các thành viên khác trong gia đình như bố mẹ, con cái cũng dần làm quen với các công việc này. Sự tham gia của người làm thuê đã phần nào cho thấy cách tổ chức hoạt động sản xuất trong hộ gia đình mang tính chất của sự phân công lao động xã hội, có yếu tố thị trường.

Khó khăn và cách khắc phục của các gia đình trong hoạt động kinh tế, sản xuất khi vợ đi cư

Như một lẽ tất yếu, đại đa số các gia đình có vợ lao động di cư đều gặp khó khăn là thiếu người làm (85%). Chính vì thiếu người làm nên nhiều người chồng cảm thấy bị áp lực với công việc đồng áng và kinh doanh (60,7%). Để khắc phục khó khăn, phần lớn các gia đình đã tìm thuê người hoặc nhờ người thân, bạn bè giúp đỡ (83,6%); 40,4% các gia đình quyết định gọi vợ về quê khi mùa vụ đến. Gọi điện hay chờ vợ về để bàn bạc, cho thuê, bán bớt ruộng vườn cũng là những phương thức các gia đình có vợ di cư lựa chọn.

Tóm lại, trong các gia đình có vợ di cư ở xã Đức Lý (huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam), người chồng là người đảm nhiệm, gánh vác thêm công việc cho vợ nhưng không phải là thực hiện toàn bộ, mà người vợ sẽ quay trở về cùng tham gia chia sẻ với chồng. Bên cạnh đó, việc thuê thêm người hay nhờ họ hàng người thân giúp đỡ cũng là một cách thức tốt được các gia đình sử dụng trong những ngày nông vụ. Một số gia đình đã lựa chọn

Bảng 3. Khó khăn và cách khắc phục của gia đình trong hoạt động kinh tế, sản xuất khi vợ đi cư

Khó khăn	Tỷ lệ %	Khắc phục	Tỷ lệ %
Thiếu người làm	85,0	Thuê thêm hoặc nhờ người thân, bạn bè giúp đỡ	83,6
Giảm năng công việc cho người ở lại	60,7	Gọi điện/đợi vợ chồng về bàn bạc	24,6
Thiếu người bàn bạc	30,0	Cho thuê và bán bớt ruộng vườn	14,8

phương pháp cắt giảm bớt công việc đồng ruộng bằng cách cho thuê hoặc bán bớt ruộng vườn. Trong các gia đình đã xuất hiện sự đóng góp của con cái, ông bà vào hoạt động sản xuất.

3. Cách thức tổ chức công việc sản xuất nông nghiệp và ngành nghề trong gia đình có chồng di cư - so sánh trước và trong khi di cư

Trong 300 trường hợp được hỏi có 239 gia đình có chồng đi làm ăn xa, chiếm 78,7%. Bảng 3 và 4 cho thấy việc sắp xếp lao động trong các gia đình này trước và trong di cư:

Bảng 4. Người làm chính công việc sản xuất nông nghiệp, ngành nghề trước khi di cư trong các gia đình có chồng di cư (%)

Người làm chính	Cây bừa	Cây	Gặt	Tuốt lúa	Sơ chè sắn	Phun thuốc sâu	Trồng hoa màu	Chăn nuôi	Ngành nghề
Vợ làm chính	3,8	40,8	21,7	8,0	64,9	39,8	50,0	64,4	54,2
Chồng làm chính	20,8	8,5	12,3	3,8	4,7	39,8	8,2	3,4	16,9
Cả hai vợ chồng bằng nhau	5,7	41,5	56,6	23,6	26,5	10,0	38,8	28,8	26,5
Thuê mướn, nhờ anh em	68,4	4,3	7,5	63,2	0	7,6	0	0	1,2
Bố mẹ	1,4	1,9	1,4	0,5	2,8	1,9	2,0	3,4	1,2
Con trai/gái lớn	0	0	0,5	0,9	0,9	0,9	1,0	0	0

Bảng 5. Người làm chính công việc sản xuất nông nghiệp, ngành nghề trong khi di cư trong các gia đình có chồng di cư (%)

Người làm chính	Cây bừa	Cây	Gặt	Tuốt lúa	Sơ chè sắn	Phun thuốc sâu	Trồng hoa màu	Chăn nuôi	Ngành nghề
Vợ làm chính	9,4	79,1	65,4	21,2	91,9	72,0	89,8	93,2	84,3
Chồng làm chính	1,9	1,9	3,7	1,4	1,4	2,4	3,1	2,1	8,4
Cả hai vợ chồng bằng nhau	1,4	8,1	11,5	1,9	2,4	0,9	2,0	0,7	2,4
Thuê mướn, nhờ anh em	86,3	9,5	17,5	72,6	0,5	19,4	2,0	0,7	0,9
Bố mẹ	0,5	1,4	1,4	0,5	2,4	2,8	3,0	3,4	1,9
Con trai/gái lớn	0,5	0	0,5	2,4	1,4	2,4	0	0	0,9

Cày bừa

Trước khi chồng đi làm ăn xa, hoạt động cày bừa phục vụ nông nghiệp trong gia đình chủ yếu là thuê mướn người ngoài hay họ hàng làm giúp (68,4%) và người chồng vẫn làm chính việc cày nhiều hơn vợ (20,8% so với 3,8%).

Khi người chồng đi cư, tỷ lệ thuê mướn hay nhờ anh chị em tăng cao (86,3%), tỷ lệ chồng làm chính giảm và tỷ lệ vợ làm chính tăng nhẹ. Như vậy, việc đi cư của nam giới khiến cho công việc cày bừa trong sản xuất nông nghiệp chuyển sang hướng giảm tỷ lệ tham gia của người chồng, đồng thời tăng tỷ lệ tham gia của vợ và người khác (anh chị em họ hàng hoặc người làm thuê).

Cấy

Trước khi chồng đi cư, việc cấy do cả vợ chồng cùng làm (44,5%), hoặc người vợ làm là chính (40,8%), sự tham gia của người làm thuê và người thân không đáng kể.

Trong di cư, tỷ lệ vợ làm chính việc cấy tăng lên gần gấp đôi (79,1%) – điều này ngược hẳn với gia đình có vợ đi cư. Tỷ lệ tham gia của người làm thuê và họ hàng tăng không nhiều (9,5%).

Gặt

Trước di cư, công việc gặt thường do cả hai vợ chồng cùng đảm nhiệm (56,6%) nhưng người vợ làm là chính chiếm tỷ lệ cao hơn người chồng làm là chính (tương ứng là 21,7% và 12,3%). Sự tham gia của người khác là dưới 10%.

Sau khi chồng đi làm ăn xa, tỷ lệ người vợ làm việc gặt là chính gia tăng đáng kể (lên đến 65,4%) đồng thời tỷ lệ tham gia chính của người chồng giảm mạnh chỉ còn 3,7% và tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng làm giảm xuống còn 11,5%. Tỷ lệ người làm thuê gia tăng (17,5%).

Tuốt lúa

Trước khi chồng đi cư, tỷ lệ vợ chồng cùng nhau đảm nhiệm việc tuốt lúa chiếm 23,6%. Phần lớn các gia đình thuê người làm cùng (63,2%), tỷ lệ gia đình có người chồng tham gia chính rất nhỏ (3,8%).

Sau khi chồng đi cư, tỷ lệ người vợ thực hiện chính gia tăng từ 8,0% lên đến 21,2%. Gia đình chủ yếu nhờ cậy đến sự giúp đỡ của người làm thuê (72,6%), tỷ lệ gia đình chồng tham gia chính còn 1,4%.

Sơ chế nông sản

Trước khi di cư, công việc sơ chế nông sản chủ yếu do vợ làm (64,9%)

và chồng có tham gia giúp đỡ (26,5%). Gia đình không nhờ đến sự giúp đỡ từ anh em hay phải bỏ tiền thuê người làm.

Trong khi chồng đi cư, gánh nặng công việc sơ chế nông sản dồn hết lên vai người phụ nữ (91,9%). Người chồng gần như không tham gia nữa (1,4%). Tỷ lệ tham gia của bố mẹ, con cái và người làm thuê là không đáng kể.

Phun thuốc sâu

Trước đi cư, hoạt động phun thuốc sâu có sự san sẻ đều của cả vợ và chồng (tỷ lệ tương ứng vợ hoặc chồng làm chính là 39,8% và 39,8% và cả hai vợ chồng là 10%). Sự tham gia của người làm thuê rất ít.

Sau khi chồng đi cư, công việc phun thuốc sâu đã có sự khác biệt. Tỷ lệ vợ tham gia tăng mạnh lên đến 72,0% trong khi tỷ lệ chồng tham gia giảm nhanh chóng xuống còn 2,4%. Xuất hiện sự tham gia của các con (2,4%) và đặc biệt của những người làm thuê với tỷ lệ khá cao (19,4%).

Trồng hoa màu

Hơn một nửa các gia đình được hỏi không trồng hoa màu. Với những gia đình có trồng hoa màu thì tỷ lệ vợ làm chính hoạt động này cao hơn hẳn chồng làm chính (50% so với 8,2%). Tỷ lệ vợ chồng cùng tham gia là 38,8%.

Sau khi chồng đi cư, các gia đình trước vẫn trồng hoa màu thì giờ vẫn tiếp tục công việc này. Có sự khác biệt đáng kể đối với sự tham gia của vợ chồng trong việc trồng hoa màu. Người chồng giảm hẳn tỷ lệ tham gia chính (3,1%) trong khi tỷ lệ tham gia chính của người vợ tăng nhanh (89,8%).

Chăn nuôi và ngành nghề

Hai hoạt động chăn nuôi và ngành nghề có cùng xu hướng thay đổi. Trước khi chồng đi cư, người vợ đảm nhiệm chính hoạt động chăn nuôi và ngành nghề, nhưng trong khi đi cư phần lớn công việc chuyển sang người vợ đảm nhiệm là chính.

Tóm lại, trước khi chồng đi cư lao động, công việc sản xuất nông nghiệp trong gia đình có sự chia sẻ của cả vợ và chồng, dù vợ vẫn là người đảm nhiệm chính trong hầu hết các hoạt động (trừ hai hoạt động là cày bừa và phun thuốc sâu). Sau khi chồng đi lao động xa, sự tham gia của chồng giảm đáng kể, dồn nghĩa với gánh nặng dồn lên vai người phụ nữ. Tỷ lệ phần trăm đảm nhiệm chính các công việc của người vợ tăng cao, tuy họ vẫn nhờ đến sự trợ giúp của người làm thuê và anh em họ hàng. Các

Bảng 6. Khó khăn và cách khắc phục của gia đình trong hoạt động kinh tế, sản xuất khi chồng di cư

Khó khăn	Tỷ lệ %	Khắc phục	Tỷ lệ %
Thiếu nguồn làm	74,7	Thuê thêm hoặc nhờ người thân, bạn bè giúp đỡ	86,6
Gánh nặng công việc cho người ở lại	52,7	Gọi điện/đợi vợ chồng về hàn huyên	20,9
Thiếu người bán hàng	21,9	Cho thuê và bán bớt ruộng vườn	5,4

hạng mục công việc vẫn được giữ nguyên không có sự cắt giảm đáng kể ở những gia đình có chồng di cư

Khó khăn và cách khắc phục của các gia đình trong hoạt động kinh tế, sản xuất khi chồng di cư

Có thể thấy, các gia đình có vợ di cư và gia đình có chồng di cư đều gặp những khó khăn tương tự và họ cũng đưa ra những cách khắc phục giống nhau. Mất đi một nguồn nhân lực, nhiều người vợ cảm thấy gánh nặng công việc đè nặng (60,7%). Lựa chọn đầu tiên của họ là thuê thêm người làm hoặc nhờ cậy người thân và bạn bè (86,6%). Một số chọn phương án gọi chồng về khi mùa vụ đến (30,1%), đợi chồng về cùng bàn bạc (20,9%) và cuối cùng khi không có cách nào khác sẽ cho thuê và bán bớt ruộng vườn (5,4%) - đây cũng là cách thức được ít người lựa chọn nhất.

Khác với các gia đình có vợ di cư, trong các gia đình có chồng di cư, người nữ sẽ là người đảm nhiệm, gánh vác chính các công việc sản xuất. Hầu hết không nhận được sự chia sẻ từ phía người chồng đã di cư. Để giảm bớt gánh nặng công việc đồng áng, họ cũng lựa chọn giải pháp thuê thêm người hay nhờ cậy đến họ hàng, người thân. Phần lớn các chị không lựa chọn phương án cho thuê hoặc bán bớt ruộng vườn.

4. Kết luận

Tóm lại, trước khi di cư, ở cả hai loại hình gia đình: gia đình có vợ di cư hay gia đình có chồng di cư, sự chia sẻ, tham gia công việc của vợ và chồng là tương đối giống nhau ở hầu hết các hạng mục công việc. Tỷ lệ tham gia chính của người chồng trong các công việc như cấy, gặt, tuốt lúa, sơ chế nông sản, trồng hoa màu, chăn nuôi đều thấp hơn so với người vợ. Ngược lại, đối với công việc cày bừa và phun thuốc sâu, sự tham gia chính

của người chồng lại cao hơn. Tuy nhiên, số liệu khảo sát cho thấy có sự khác biệt giữa hai loại hình gia đình này khi một thành viên chính của gia đình di cư. Trong gia đình có vợ di cư, mặc dù tỷ lệ người chồng thực hiện chính các công việc có gia tăng nhưng sự tham gia của vợ chỉ giảm ở mức vừa phải trong các công việc như cấy, gặt, sơ chế nông sản. Ngược lại, trong gia đình có chồng di cư, người phụ nữ ở nhà gánh vác chính các công việc và hiếm khi nhận được sự chia sẻ trong bất kỳ hạng mục công việc nào từ phía người chồng đã di cư. Để giảm bớt gánh nặng công việc, người vợ hay người chồng ở nhà cũng lựa chọn giải pháp thuê thêm người hay nhờ cậy đến họ hàng, người thân. Tuy vậy, khác với các anh, các chị không lựa chọn phương án cho thuê hoặc bán bớt ruộng vườn.

Điều đáng lưu ý là gánh nặng công việc tại các gia đình có vợ di cư được xem như trầm trọng hơn so với các gia đình có chồng di cư. Cụ thể, nhiều người chồng đã phàn nàn về việc thiếu người để bàn bạc và chia sẻ công việc.

Để khắc phục khó khăn, cả hai loại hình gia đình đều tìm đến các giải pháp tương tự nhau. Trước tiên là thuê thêm người hoặc nhờ bạn bè giúp, sau đó là gọi người đi làm ăn xa về nhà và cuối cùng là cho thuê hoặc bán bớt ruộng vườn. ■

Tài liệu tham khảo

- Dặng Nguyễn Anh, Nguyễn Thanh Liêm. 2006. *Di cư trong nước và mối liên hệ với các sự kiện cuộc sống*. Tổng cục Thống kê.
- Dang Nguyen Anh, Tacoli, C. and Hoang Xuan Thanh. 2008. *Migration in Vietnam. A Review of Information on Current Trends and Patterns, and Their Policy Implications*. Paper presented at the Regional Conference on Migration, Development and Pro-Poor Policy Choices in Asia, Dhaka, Bangladesh, 22-24 June. Available at http://www.livelihoods.org/hot_topics/docs/Dhaka_CP_7.pdf, accessed on 6 February 2011.
- Lê Bạch Dương và Nguyễn Thanh Liêm chủ biên. 2011. *Từ nông thôn ra thành phố: Tác động kinh tế xã hội của di cư ở Việt Nam*. Nxb. Lao động.
- Nguyễn Thị Thanh Tâm. 2009. *Sự thích ứng của người di cư tự do từ nông thôn vào các thành phố và các vùng phụ cận: nghiên cứu trường hợp Hà Nội*. Đề tài cấp bộ Viện Gia đình và Giới, Viện Khoa học xã hội Việt Nam
- Sander, C. and Maimbo, S.M. 2003. *Migrant Labor Remittances in Africa: Reducing Obstacles to Development Contributions* World Bank, November, 2003
- Yang, D. 2004. *Financing constraints, economic shocks, and international labor migration: Understanding the departure and return of Philippine overseas workers* Harvard University, dissertation chapter.